

Bản án số: 771/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11 - 7 - 2017

V/v Tranh chấp “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Quý

2. Ông Nguyễn Văn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Ngọc Lữ là Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Đặng Tố Trinh - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 842/2015/TLST- HNGĐ ngày 21 tháng 10 năm 2015 về tranh chấp “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 82/2017/QĐXXST - HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Ngọc M, sinh năm 1972

Thường trú: 29/2 đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Đỗ Văn K, sinh năm 1961

Thường trú: 29/2 đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M có mặt, ông K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 28/9/2015 và trong quá trình xét xử, nguyên đơn là bà Lương Ngọc M trình bày: Bà và ông Đỗ Văn K tự nguyện kết hôn vào năm 1995, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh theo giấy chứng nhận kết hôn quyển số: 1/95, cấp ngày 23/11/1995.

Sau khi kết hôn, bà M và ông K chung sống tại nơi ông K công tác là khu tập thể của trường L, sau đó chuyển về sống tại 29/2 đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Trong quá trình chung sống, hai vợ chồng có những bất đồng, xích mích với nhau về kinh tế, quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con cái nhưng vì thương con còn nhỏ nên bà bỏ qua. Đến năm 2010, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể hòa giải do ông K có tính gia trưởng, luôn áp đặt, kiểm soát chi tiêu trong nhà bắt bà phải nghe theo ý kiến của ông K, không tôn trọng và có những lời lẽ xúc phạm bà, có lần ông K dùng vũ lực với bà nên hàng xóm phải báo công an phường đến giải cứu. Sự việc kéo dài làm cho cuộc sống của bà rất căng thẳng, nặng nề, cuộc sống chung không hạnh

phúc, cả hai đã ly thân hơn 02 năm. Bà nhận thấy không thể tiếp tục chung sống với ông K nên yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con là Đỗ Quang K1, sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004. Ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2015, bà M yêu cầu được chia $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 200.000.000 đồng trong số tiền 1.600.000.000 đồng ông K gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần S. Tuy nhiên trong quá trình thu thập chứng cứ bà M có đơn rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung. Về tài sản chung: hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại bản tự khai và lời trình bày trong quá trình Tòa án thu thập chứng cứ, bị đơn là ông Đỗ Văn K trình bày: Ông và bà M kết hôn năm 1995, đăng ký tại Ủy ban nhân dân Phường P, quận T. Trong quá trình chung sống, vợ chồng chỉ có những mâu thuẫn, xích mích nhỏ như cách chi tiêu trong gia đình, cách nuôi con chung, mọi chi phí trong gia đình ông đều phải lo, trước đây ông giao cho bà M quản lý tiền, nhưng thời gian sau thu nhập của ông không như trước nên ông kiểm soát chi phí sinh hoạt, không đồng ý cho bà M quản lý tiền bạc, dẫn đến việc mâu thuẫn về kinh tế, phía bà M không đồng ý nên tự ý thuê nhà ở chỗ khác và nộp đơn ly hôn. Nay với yêu cầu ly hôn của bà M, ông không đồng ý vì các con cần sự chăm sóc của cả cha và mẹ và đây là những mâu thuẫn nhỏ trong nội bộ gia đình có thể tự giải quyết được.

Về con chung: Có 2 con là Đỗ Quang K1, sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004. Nếu trường hợp ly hôn, ông yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Tại phiên tòa sơ thẩm:

Nguyên đơn bà Lương Ngọc M trình bày :

Về quan hệ hôn nhân: bà M yêu cầu được ly hôn với ông K.

Về con chung: Có 2 con là Đỗ Quang K1, sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004. Ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N vì hiện nay một mình bà chăm sóc và nuôi cháu N, bà yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng).

Về tài sản chung: Bà xin rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung. Về nợ chung: không có.

Bị đơn là ông Đỗ Văn K vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án : từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử cũng như tại phiên tòa: đã thực hiện đúng nội dung quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng theo Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn đã được triệu tập hợp lệ nhưng không tham gia phiên tòa, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà M và ông K có đăng ký kết hôn nên quan hệ hôn nhân giữa bà M và ông K được pháp luật tôn trọng và bảo vệ. Xét thấy quá trình chung sống cả bà M và ông K không còn thương yêu nhau, tôn trọng lẫn nhau, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông

K làm việc nhưng ông K không đến, điều đó chứng tỏ ông K không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu cho bà M được ly hôn với ông K. Về con chung: có 02 con Đỗ Quang K1, sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004. Ly hôn, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), ông K cũng có yêu cầu nuôi cháu N nhưng không tham gia phiên tòa, cháu N có ý kiến muốn được sống với bà M nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 giao cháu N cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng, buộc ông K thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Về quan hệ tài sản chung: Bà M, ông K không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà M rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung nên đề nghị Tòa án đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà M. Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]Về thẩm quyền giải quyết: Bà Lương Ngọc M có đơn yêu cầu ly hôn với ông Đỗ Văn K, do ông K có hộ khẩu thường trú tại địa chỉ: đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh. Do vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]Tòa án tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3]Bị đơn là ông Đỗ Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ 2 tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt, căn cứ vào Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định.

[4]Về yêu cầu của đương sự: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa cho thấy quan hệ hôn nhân giữa bà Lương Ngọc M và ông Đỗ Văn K là hợp pháp. Trong quá trình sống chung, hai bên phát sinh mâu thuẫn do có những bất đồng, xích mích với nhau về kinh tế, quan điểm sống, lối sống, cách nuôi dạy con chung, hai bên không có sự tôn trọng, yêu thương lẫn nhau, cả hai đã không sống chung hơn 02 năm. Phía bị đơn là ông K mặc dù có đến Tòa án trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn với bà M nhưng ông không đến Tòa để tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa đôi bên đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà M đối với ông K.

[5]Về con chung: Có 02 con Đỗ Quang K1, sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004. Tại phiên tòa hôm nay, bà M yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu N và yêu cầu ông K cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng). Trong quá trình thu thập chứng cứ ông K cũng có yêu cầu được nuôi cháu N và không yêu cầu bà M cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con, hiện nay bà M là người đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dạy cháu N và nguyện vọng của cháu N cũng muốn được sống với bà M khi cha mẹ ly hôn. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 117, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của bà M giao cháu N cho bà M trực tiếp nuôi, ông K có trách nhiệm cấp

dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), bắt đầu cấp dưỡng từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu N thành niên.

[6]Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa hôm nay, bà M rút toàn bộ yêu cầu chia tài sản chung là yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 200.000.000 đồng trong số tiền 1.600.000.000 đồng ông K gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần S nên Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản chung của bà M.

[7]Về nợ chung: Không có.

[8]Về án phí: bà M phải nộp án phí sơ thẩm là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

Hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí 20.250.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông K phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 (hai trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm c khoản 1 Điều 217, khoản 3 Điều 218, Điều 227, khoản 1, 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014;

- Căn cứ vào khoản 8, 10 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1.Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Lương Ngọc M và ông Đỗ Văn K.

2.Về con chung: Có 02 con Đỗ Quang K1 sinh ngày 23/6/1996 (đã thành niên) và Đỗ Quỳnh N, sinh ngày 09/02/2004.

Ông K có trách nhiệm giao cháu N cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng.

Ông K có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu N mỗi tháng 1.000.000 đồng (một triệu đồng), bắt đầu thi hành từ tháng 7 năm 2017 cho đến khi cháu N thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông K trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông K chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông K phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của

Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia $\frac{1}{2}$ trị giá căn nhà đường A, Phường B, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh và số tiền 200.000.000 đồng trong số tiền 1.600.000.000 đồng ông K gửi tại Ngân hàng thương mại cổ phần S của bà Lương Ngọc M.

6. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: bà M phải nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng), được căn trừ vào tiền tạm ứng án phí bà M đã nộp 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/0004631 ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hoàn lại cho bà M số tiền tạm ứng án phí 20.250.000 đồng (hai mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AB/2014/0004632 ngày 15/10/2015 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông K phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con là 200.000 đồng (hai trăm ngàn đồng).

7. Về quyền kháng cáo: Bà M được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án, ông K được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Ủy ban nhân dân Phường P, quận T, TP.HCM,
(để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy chứng nhận kết hôn:
quyển số: 1/95, cấp ngày 23/11/1995;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương